

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt với các yêu cầu cụ thể như sau:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính (cát, xi măng, đá, sắt thép, cửa, sơn, thiết bị điện, thiết bị nước, thiết bị vệ sinh, thiết bị PCCC...).	<ul style="list-style-type: none">- Có cam kết của nhà cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc.- Có bảng kê khai rõ về nguồn gốc các loại vật tư, vật liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của từng loại vật liệu chính phù hợp với yêu cầu thiết kế và yêu cầu kỹ thuật hiện hành.	Đạt
	<ul style="list-style-type: none">- Không có cam kết của nhà cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc.- Không có bảng kê khai rõ về nguồn gốc các loại vật tư, vật liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của từng loại vật liệu chính phù hợp với yêu cầu thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.	Không đạt
1.2. Phòng thí nghiệm trong đó có chức năng thực hiện đầy đủ các thí nghiệm cho gói thầu...	Có tài liệu chứng minh sở hữu phòng thí nghiệm với đầy đủ chức năng để thực hiện thí nghiệm cho gói thầu, nếu đi thuê phải có hợp đồng nguyên tắc và bên cho thuê có tài liệu chứng minh sở hữu.	Đạt
	Không có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc không có hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm hoặc bên cho thuê không chứng minh được sở hữu phòng thí nghiệm.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
------------------	----------------

2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường kèm theo	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Không có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường kèm theo.	Không đạt
2.2. Đề xuất giải pháp kỹ thuật thi công các hạng mục: theo đúng yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ thiết kế thi công đính kèm E-HSMT.	- Có thuyết minh giải pháp thi công đủ các nội dung công việc, hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp thi công không đủ các nội dung công việc, không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người.	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật.	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức hiện trường hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
3.2. Biện pháp thi công, phòng chống của nhà thầu trong mùa mưa bão.	Có thuyết minh biện pháp khả thi.	Đạt
	Không có thuyết minh biện pháp khả thi.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 được xác định là đạt	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: 540 ngày kể từ ngày khởi công.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 540 ngày.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 540 ngày.	Không đạt
4.2. Bảng tổng tiến độ thi công, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	Có Bảng tổng tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với tổng thời gian thi công đề xuất.	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4.3. Biểu đồ huy động nhân lực; máy móc thiết bị thi công chủ yếu.	Có biểu đồ huy động nhân lực; máy móc thiết bị thi công chủ yếu phù hợp với bảng tổng tiến độ thi công.	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2 và 4.3 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào sử dụng	Nhà thầu trình bày quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.	Đạt
	Không có biện pháp Bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào sử dụng.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác thi công các hạng mục phù hợp với giải pháp kỹ thuật thi công ở trên theo đúng bản vẽ thiết kế thi công đính kèm E-HSMT	- Có nêu về cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công đối với các hạng mục công trình theo quy định hợp lý, khả thi, phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của gói thầu.	Đạt
	- Không đáp ứng một trong các tiêu chí nêu trên. - Có nêu về cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công, tuy nhiên không nêu cụ thể các tiêu chuẩn hoặc nêu sai so với yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật và hồ sơ thiết kế được phê duyệt. - Hoặc có nêu về cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công, tuy	Không đạt

	nhiên thiếu, không thể hiện được đối với các hạng mục chính của công trình	
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có thuyết minh biện pháp an toàn hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp phòng cháy chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành		
Thuyết minh công tác bảo hành, bảo trì công trình đáp ứng các quy định của Hồ sơ mời thầu và các quy định hiện hành (Bao gồm Kế hoạch, công tác tổ chức, giải pháp thực hiện, thời gian thực hiện). Thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	<ul style="list-style-type: none"> - Có Thuyết minh công tác bảo hành, bảo trì công trình đáp ứng các quy định của Hồ sơ mời thầu và các quy định hiện hành (Bao gồm Kế hoạch, công tác tổ chức, giải pháp thực hiện, thời gian thực hiện) - Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. 	Đạt
	<ul style="list-style-type: none"> - Không có Thuyết minh công tác bảo hành, bảo trì công trình hoặc trình bày không đúng và đầy đủ theo quy định hiện hành được nêu tại chương V - Yêu cầu kỹ thuật. - Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. 	Không đạt
7.2. Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu:		
Từ năm 2022 đến nay: Nhà thầu không bị kết luận vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này)	Nhà thầu có cam kết không bị kết luận vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Đạt
	Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này.	Chấp nhận được
	Nhà thầu không có đầy đủ cam kết hoặc cam kết không đúng sự thật hoặc nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia mà không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần (hoặc có nhưng nhỏ hơn 03 lần) giá trị yêu cầu trong E- HSMT trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này.	Không đạt

Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 7.1 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 7.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không được phép.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.